

PHƯỜNG TÂY NHA TRANG

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT SỐ : 77 - 2025

HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, THỦA ĐẤT SỐ 299; TỜ BẢN ĐỒ SỐ 38 (359599-7-b)

TỈNH KHÁNH HÒA - THÀNH PHỐ NHA TRANG

599 650

700

750

599 800

Đo đạc hiện trạng khu đất theo yêu cầu của: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH KHÁNH HÒA

Địa điểm thửa đất: Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

☐ Tổng diện tích khu đất: 155,6 m<sup>2</sup>

+

+

+

B

\* Chú thích:

+ Diện tích thửa đất: 155,6 m<sup>2</sup> (ONT: 60,0 m<sup>2</sup>; HNK: 95,6 m<sup>2</sup>)

Δ. Diện tích QHGT: 22,2 m<sup>2</sup>

Diện tích còn lại: 133,4 m<sup>2</sup>

+ Diện tích xây dựng: 94,3 m<sup>2</sup>

Δ. Diện tích QHGT: 2,2 m<sup>2</sup>

Diện tích còn lại: 92,1 m<sup>2</sup>

+ Kết cấu: Tường xây, mái ngói, nền gạch men

+ Cấp hạng: 04; số tầng: 01

\* Mục đích đo vẽ theo yêu cầu của: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa

Thông tin quy hoạch:

+ Theo Quyết định số: 2901/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

V/v phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) khu dân xã Vĩnh Hiệp

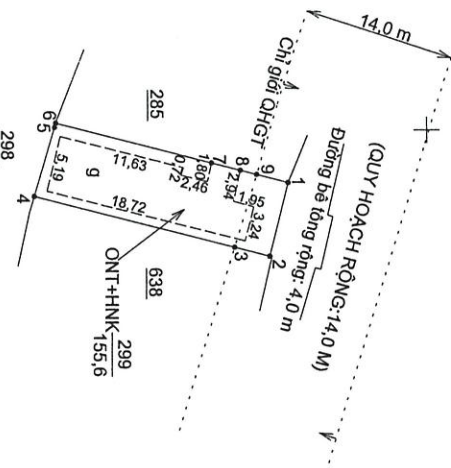
- Vĩnh Ngọc - Vĩnh Thành, thành phố Nha Trang.

- Phần còn lại thửa đất thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở

+ Ranh giới đo vẽ theo hiện trạng và có tham gia của đại diện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa

+ Bản vẽ này chưa có giá trị pháp lý về quyền sử dụng đất.

— Ranh hiện trạng — — — — — Ranh quy hoạch



Bảng kê tọa độ và khoảng cách

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thửa |           | Kích thước cạnh (m) |
|------|------------------|-----------|---------------------|
|      | X(m)             | Y(m)      |                     |
| 1    | 1356237.22       | 599754.85 | 7.02                |
| 2    | 1356235.55       | 599761.67 | 3.36                |
| 3    | 1356232.30       | 599760.84 | 18.96               |
| 4    | 1356213.93       | 599756.14 | 6.61                |
| 5    | 1356215.81       | 599749.80 | 0.42                |
| 6    | 1356215.92       | 599749.39 | 14.72               |
| 7    | 1356230.18       | 599753.04 | 2.74                |
| 8    | 1356232.83       | 599753.72 | 1.55                |
| 9    | 1356234.33       | 599754.11 | 2.98                |
| 1    | 1356237.22       | 599754.85 |                     |

BẢNG KÊ SỐ TỌA, SỐ THỦA, DIỆN TÍCH VÀ LOẠI ĐẤT

(Đơn vị tính: m<sup>2</sup>)

Theo GCN QSDĐ

Bản đồ hiện trạng khu đất

Tờ số

Thửa số

Loại đất

Tờ số

Số thửa

Loại đất

Loại đất

Loại đất

Loại đất

Loại đất

Loại đất

Loại đất

Loại đất

TỈ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa



THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày 08 tháng 7 năm 2025

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI KHÁNH HÒA

Ngày 08 tháng 7 năm 2025

Người kiểm tra:

Duyệt, ngày 11 tháng 7 năm 2025

Ngày 08 tháng 7 năm 2025

Tổ đo đạc 1:

Trần Huyền Hữu Công

Nguyễn Văn Toàn

Tổ trưởng:

Trần Minh Quốc

Đơn vị đo đạc:

Ngày 08 tháng 7 năm 2025

Duyệt, ngày 11 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA

Đặng Thế Hùng



